

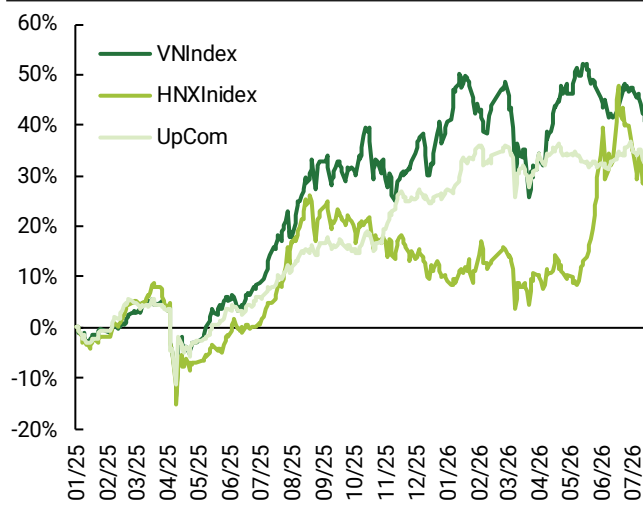
VN-Index **1782.12 (-1.36%)**
655 Tr. cổ phiếu 15564.8 Tỷ VND (8.25%)

HNX-Index **291.07 (-2.11%)**
57 Tr. cổ phiếu 922.5 Tỷ VND (-13.44%)

UPCOM-Index **126.48 (0.36%)**
19 Tr. cổ phiếu 266.7 Tỷ VND (-58.57%)

VN30F1M **1919.10 (-1.26%)**
223,358 HD OI: 22,210 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1782.1, giảm -24.5 điểm (-1.36%). Thanh khoản tăng nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng chi phối ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là họ Vin và nhóm Ngân hàng tạo sức ép đáng kể lên chỉ số. Trong khi đó, đà tăng chủ yếu xuất hiện ở một số cổ phiếu riêng lẻ và chưa tạo được lan tỏa.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Xây dựng và Vật liệu: VCG (+0.9%), PC1 (+1.2%), BMP (+1.7%) | Bảo hiểm: BVH (+0.7%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: DIG (-4.8%), BCM (-4.1%), VHM (-3.4%) | Ngân hàng: VPB (-2.6%), MBB (-2.4%), TCB (-2.2%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-5.1%), VCI (-4.3%), SSI (-3.3%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (-5.7%), GEX (-4.0%), VOS (-2.9%) | Dầu khí: BSR (-3.3%), PLX (-2.0%), PVP (-2.0%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | TCX, ACB, VBB, VNM, MSB - Chiều giảm | VHM, VIC, FPT, VPB, BID.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 900 tỷ đồng, tập trung nhiều ở FPT, PNJ, SSI, trong khi mua ròng HPG, BMP, STB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên trong sắc đỏ, gần như phủ định hoàn toàn nền tăng phiên trước, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn đang chi phối. Chỉ số có thể tiếp tục giằng co trong vùng 1780–1810 điểm nhằm tìm điểm cân bằng. Khu vực này cũng ứng với vùng hỗ trợ quanh MA200 ngày. Tuy nhiên, các chỉ báo động lượng chưa được cải thiện rõ ràng, cùng với xu hướng ngắn hạn vẫn đang nghiêng về điều chỉnh. Nếu lực cầu không cải thiện, không loại trừ khả năng chỉ số phá vỡ mốc MA200 và mở rộng đà giảm về vùng 1750 điểm.
- Đối với HNX-Index**, áp lực điều chỉnh đẩy chỉ số lùi về khu vực 290 điểm, cũng ứng với ngưỡng hỗ trợ MA50 ngày. Vận động khả năng giằng quanh đây. Nếu lực cầu tiếp tục suy yếu, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 280 điểm.
- Chiến lược:** Trong bối cảnh dòng tiền tiếp tục phân hóa và áp lực điều chỉnh gia tăng, nhà đầu tư nên ưu tiên quản trị rủi ro và duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức an toàn, hạn chế sử dụng đòn bẩy cao. Đối với những cổ phiếu đã vi phạm các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, nên tận dụng nhịp hồi để cơ cấu. Trường hợp đã đưa tài khoản về tỷ lệ an toàn, nên tiếp tục theo dõi phản ứng của thị trường tại các vùng hỗ trợ, đồng thời hạn chế hưng phấn trước những nhịp hồi mang tính kỹ thuật.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi BMP (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,782.1 ▼	-1.4%	-3.9%	-1.0%	15,564.8 ▲	8.3%	-9.6%	-38.8%	655.1 ▲	6.7%	-1.7%	-17.5%				
HNX-Index	291.1 ▼	-2.1%	-3.1%	-6.4%	922.5 ▼	-13.4%	-31.4%	-37.2%	56.9 ▲	1.1%	-18.5%	-28.3%				
UPCOM-Index	126.5 ▬	0.4%	-1.2%	-0.2%	266.7 ▼	-58.6%	-69.1%	-45.9%	19.3 ▼	-52.5%	-65.7%	-35.4%				
VN30	1,916.1 ▼	-1.5%	-4.1%	-2.4%	8,607.3 ▼	-2.0%	-6.6%	-50.1%	247.0 ▼	-12.0%	-8.7%	-37.5%				
VNMID	1,989.0 ▼	-1.7%	-5.0%	-7.3%	5,828.8 ▲	29.7%	-9.2%	-11.1%	285.9 ▲	30.7%	3.0%	-4.9%				
VNSML	1,290.9 ▼	-1.1%	-3.1%	-4.4%	625.5 ▲	11.2%	-39.5%	-13.9%	59.2 ▲	20.6%	-40.1%	-7.8%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	632.1 ▼	-1.1%	-4.39%	-1.4%	3,979.7 ▼	-15.9%	-15.7%	-27.1%	178.8 ▼	-17.9%	-16.8%	-21.7%				
Bất động sản	957.2 ▼	-1.6%	-3.8%	7.3%	2,720.7 ▲	13.9%	-0.2%	-18.1%	85.0 ▲	4.3%	3.3%	-3.5%				
Dịch vụ tài chính	298.5 ▼	-1.3%	-6.7%	-3.3%	2,843.6 ▲	65.1%	7.1%	4.3%	139.6 ▲	69.5%	7.5%	9.7%				
Công nghiệp	242.5 ▼	-1.9%	-4.5%	-8.4%	564.9 ▼	-23.7%	-33.3%	-38.1%	22.0 ▼	-8.1%	-22.4%	-23.8%				
Tài nguyên cơ bản	495.1 ▼	-0.3%	-3.1%	-7.1%	650.7 ▲	8.3%	11.1%	21.6%	36.0 ▲	12.4%	12.1%	31.5%				
Xây dựng - Vật Liệu	160.7 ▼	-1.6%	-3.2%	-4.1%	463.0 ▲	13.9%	-19.0%	-31.2%	24.3 ▲	6.5%	-19.4%	-28.3%				
Thực phẩm	480.7 ▼	-0.7%	-0.2%	-0.3%	664.9 ▼	-9.1%	-30.6%	-39.4%	16.8 ▼	-13.8%	-25.4%	-30.2%				
Bán Lẻ	1,401.2 ▼	-0.9%	-0.7%	-2.2%	271.7 ▼	-6.0%	-14.2%	-47.7%	4.0 ▼	-4.9%	-19.4%	-44.6%				
Công nghệ	366.0 ▼	-4.6%	-7.0%	-8.8%	1,539.9 ▲	177.0%	109.2%	125.1%	32.8 ▲	296.9%	145.6%	201.3%				
Hóa chất	162.1 ▼	-1.5%	-3.9%	-10.4%	197.8 ▼	-46.7%	-31.4%	-39.0%	8.0 ▼	-45.1%	-28.6%	-29.2%				
Tiện ích	734.0 ▼	-0.9%	1.1%	-3.7%	434.6 ▲	18.6%	0.1%	11.7%	24.8 ▲	71.9%	12.4%	27.0%				
Dầu khí	105.1 ▼	-2.8%	3.9%	-0.9%	432.1 ▼	-43.6%	-42.29%	-25.0%	17.4 ▼	-40.0%	-33.5%	-11.8%				
Dược phẩm	393.5 ▼	-0.9%	-1.7%	-3.5%	28.9 ▲	24.0%	1.7%	-10.3%	1.0 ▲	18.5%	-7.9%	-23.7%				
Bảo hiểm	94.4 ▬	0.3%	-2.1%	-8.7%	29.2 ▲	14.8%	11.2%	0.9%	0.7 ▼	-1.9%	-1.6%	0.9%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,782.1 ▼	-1.36%	-0.1%	14.9x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,630 ▬	0.26%	29.4%	17.1x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,042 ▬	0.04%	-30.1%	14.4x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,650 ▼	-0.10%	2.8%	15.7x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,303 ▬	0.74%	4.1%	9.6x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,956 ▼	-0.29%	-0.3%	19.8x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,681 ▲	1.40%	-3.7%	12.7x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	68,752 ▲	1.49%	36.6%	24.6x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,544 ▬	0.38%	10.2%	27.8x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	52,508 ▬	0.02%	9.2%	25.2x	6.1x
FTSE 100	Anh	10,507 ▼	-0.21%	5.8%	15.7x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,273 ▼	-0.12%	8.3%	18.0x	2.5x
DXV		101.0 ▼	-0.22%	2.7%		
USDVND		26,260 ▼	-0.004%	-0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

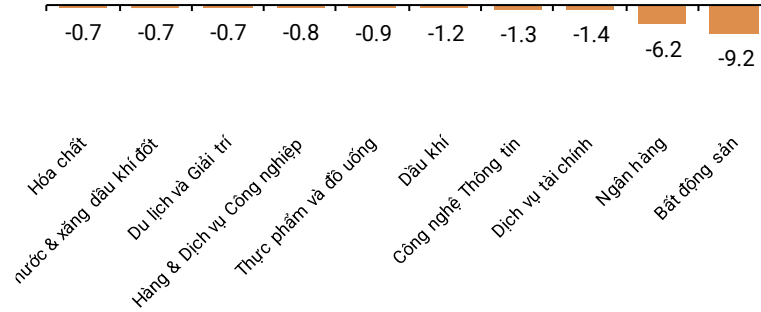
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.1%	3.0%	40.7%	24.6%
Dầu WTI	▲	1.1%	-0.7%	39.6%	20.5%
Khí gas	▬	0.6%	-7.2%	-20.8%	-17.1%
Than cốc (*)	▬	0.0%	5.7%	27.8%	61.4%
Thép HRC (*)	▬	0.7%	-2.2%	1.3%	0.5%
PVC (*)	▲	3.5%	-2.0%	1.4%	-8.0%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	-14.9%	0.2%	-11.2%
Cao su thiên nhiên	▬	0.4%	-4.3%	21.4%	31.5%
Bông Cotton	▬	0.3%	8.8%	24.3%	18.8%
Đường	▼	-0.9%	7.7%	-1.8%	-11.0%
World Container Index	▬	0.0%	30.7%	109.6%	73.6%
Baltic Dirty tanker Index	▲	4.1%	10.6%	62.6%	131.4%
Vàng	▼	-0.55%	-6.5%	-6.7%	21.2%
Bạc	▼	-1.20%	-17.1%	-19.1%	53.8%

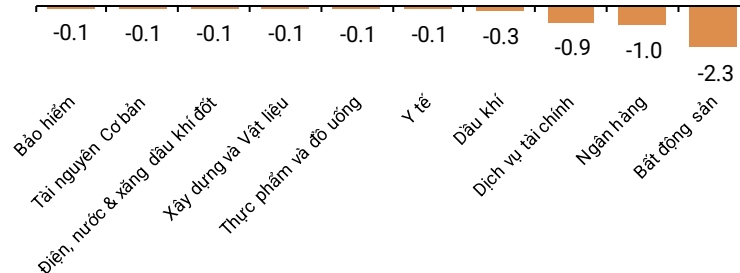
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.02 (VVS)	-0.59 (VJC)
+0.04 (ACG)	-0.74 (CTG)
+0.05 (BMP)	-0.95 (BSR)
+0.06 (TMS)	-1.02 (MBB)
+0.06 (BVH)	-1.05 (TCB)
+0.07 (MSB)	-1.16 (BID)
+0.09 (VNM)	-1.18 (VPB)
+0.16 (VBB)	-1.27 (FPT)
+0.31 (ACB)	-3.28 (VIC)
+0.50 (TCX)	-4.17 (VHM)

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.01 (SHE)	-0.14 (DHT)
+0.01 (HVT)	-0.14 (IDC)
+0.01 (PRE)	-0.14 (BAB)
+0.01 (PJC)	-0.18 (CEO)
+0.01 (PSI)	-0.25 (PVS)
+0.02 (HGM)	-0.43 (MBS)
+0.02 (GIC)	-0.44 (SHS)
+0.03 (BVS)	-0.89 (KSF)
+0.06 (SHN)	-0.90 (NVB)
+0.09 (VIT)	-1.04 (THD)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

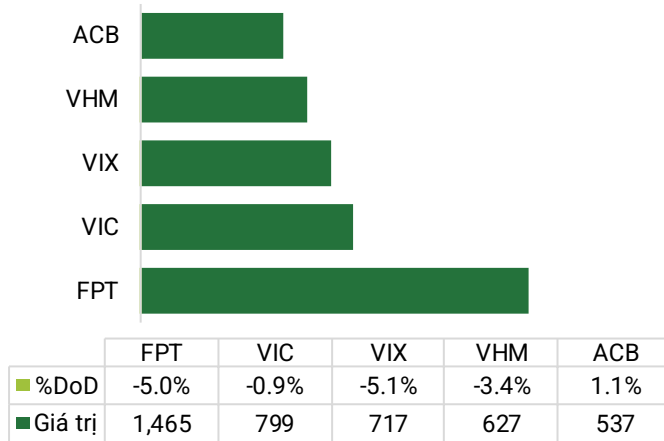
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+9 (LPB)	-43 (TPB)
+9 (E1VFN30)	-47 (BSR)
+11 (MSB)	-55 (VPB)
+12 (VCG)	-56 (CTG)
+14 (HVN)	-57 (VHM)
+27 (VNM)	-65 (TCB)
+28 (MSN)	-68 (VIC)
+35 (STB)	-72 (SSI)
+40 (BMP)	-108 (PNJ)
+139 (HPG)	-346 (FPT)

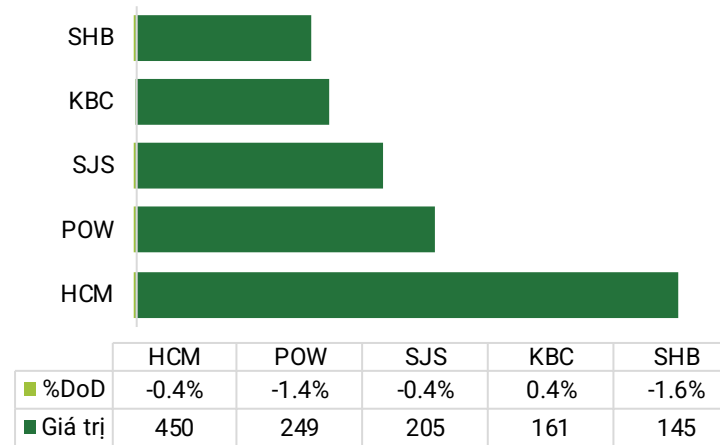
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.0 (PVI)	-0.3 (PVS)
+0.0 (TSB)	-0.3 (HUT)
+0.0 (VGS)	-0.4 (CEO)
+0.1 (IVS)	-0.5 (VFS)
+0.2 (TTH)	-0.6 (KSF)
+0.3 (MST)	-0.6 (C69)
+0.3 (NVB)	-0.9 (SHS)
+0.3 (VTZ)	-1.4 (BVS)
+1.6 (VC3)	-1.6 (TNG)
+3.1 (MBS)	-2.0 (IDC)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

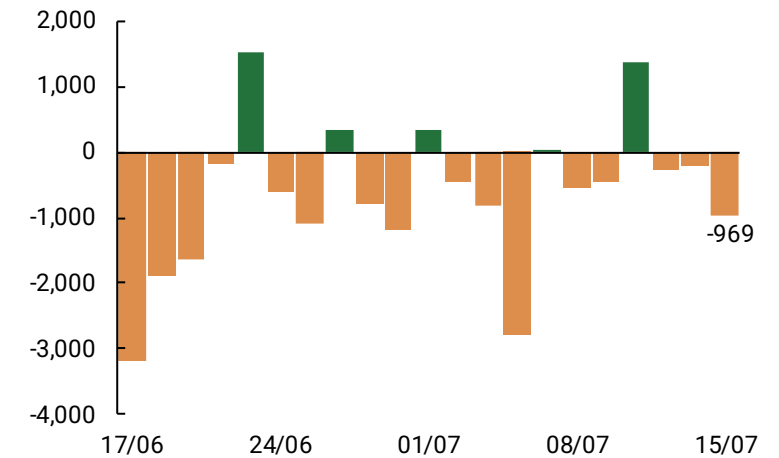


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

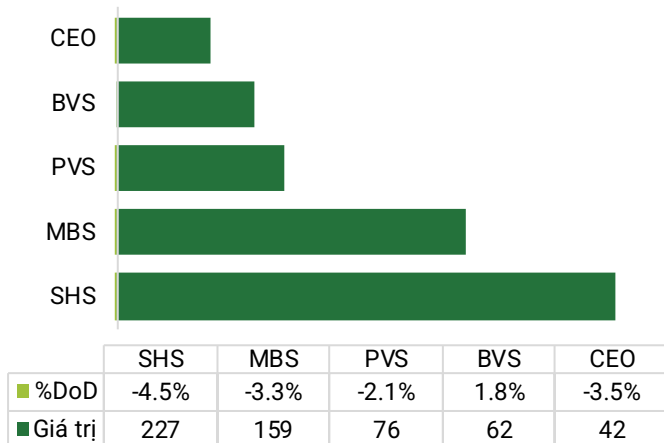


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

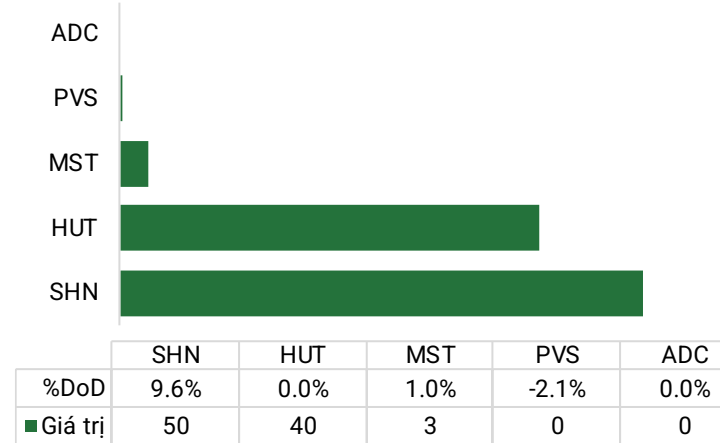
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



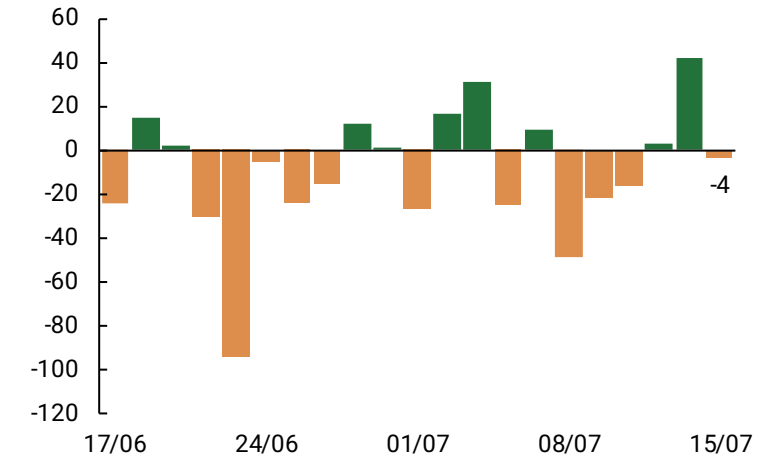
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1840 | 1900.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Vận động lùi về dưới ngưỡng 1835 điểm đã xác nhận cho đà giảm ngắn hạn. VN-Index có thể nhận được lực đỡ từ khu vực hỗ trợ quanh đường MA200 ngày, song độ tin cậy không cao. Mốc hỗ trợ thấp hơn đà giảm có thể tìm về quanh khu vực 1750 điểm trong khi kháng cự gần giờ là ngưỡng 1830 – 1840 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900.
- ✓ Kháng cự: 1980 | 2040.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: VN30 đã lùi về dưới vùng đáy cũ 1930 – 1940 điểm cho thấy áp lực điều chỉnh tiếp tục chi phối. Đà giảm có thể mở rộng về mốc tâm lý 1900 điểm, trong khi kháng cự gần giờ là ngưỡng 1950 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	BMP	WATCH	Current price	153.50	P/E (x)	10.1
			Watch zone	149 - 150	P/B (x)	3.9
Exchange	HOSE		Target price	164	EPS	15218.3
			Cut loss price	142	ROE	41.5%
Sector	Building Materials & Fixtures				Stock Rating	A
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên ngưỡng MA20 ngày
 - MACD thu hẹp với đường signal trong khi RSI cải thiện lên trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và có thể trở lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá hạ nhiệt về khu vực 149 – 150, nếu phản ứng kiểm định tốt có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	BMP	Mua	16/07/2026	153.5	149 - 150	-	164	9.7%	142	-5.0%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	23.95	24.9 - 25.1	-4.2%	28	12.0%	23.4	-6.4%	
2	POW	Mua	06/07/2026	-	13.9	14.6 - 14.8	-5.4%	16.2	10.2%	13.9	-5.4%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1919, giảm 24.4 điểm (-1.3%). Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch và nỗ lực phục hồi bất thành.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI gần như đi ngang quanh mức quá bán, trong khi MACD cũng vận động quanh vùng thấp, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chi phối. Dù vậy, do trạng thái đang đạt mức quá bán nên dễ thúc đẩy nhịp hồi nếu lực cầu cải thiện. Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1934. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1915. Lưu ý biến động lớn khả năng chi phối trong ngày đáo hạn.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1846.7, giảm 24.0 điểm (-1.3%). Độ lệch basis 7.3 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh cân bằng, đạt 32 HĐ. Hỗ trợ gần cũng quanh khu vực 1840 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1860 điểm.

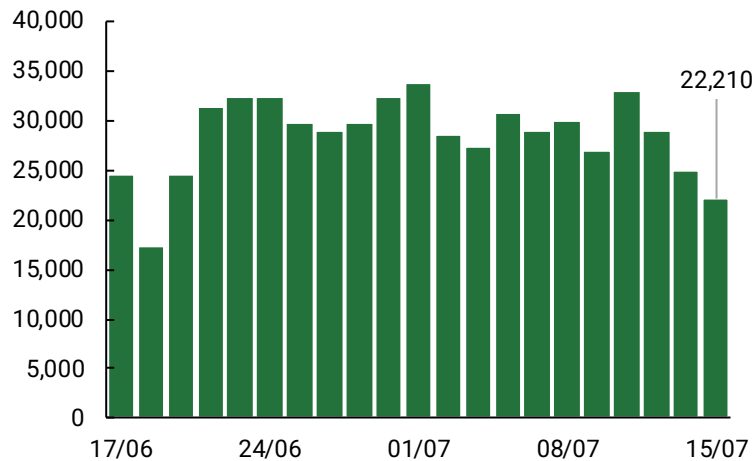
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1934	1948	1924	14 : 10
Short	< 1915	1900	1924	15 : 9

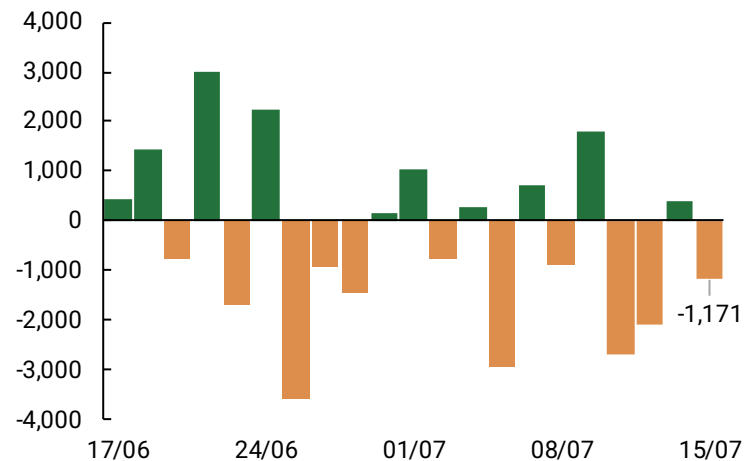
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1GC000	1,913.0	-23.5	83	880	1,928.4	-15.4	17/12/2026	155
41I1G9000	1,925.0	-14.9	96	625	1,921.1	3.9	17/09/2026	64
41I1G8000	1,919.9	-20.3	14,150	13,214	1,918.9	1.0	20/08/2026	36
41I1G7000	1,919.1	-24.4	223,358	22,210	1,916.1	3.0	16/07/2026	1
41I2G7000	1,846.7	-24.0	32	77	1,839.5	7.2	16/07/2026	1

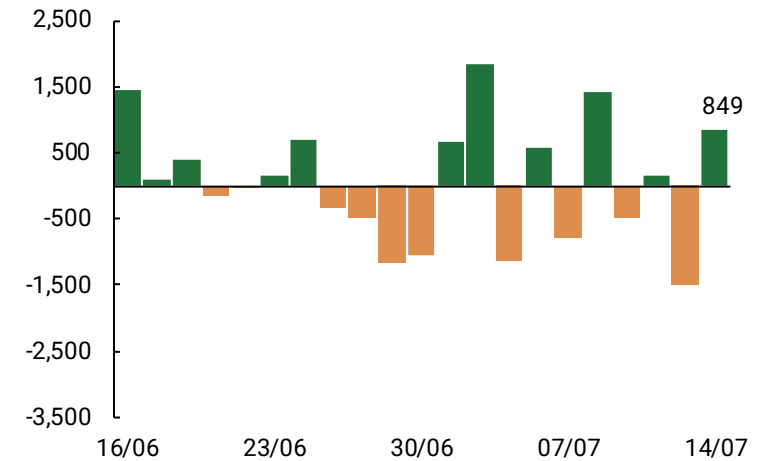
Khối lượng mở (Open interest)



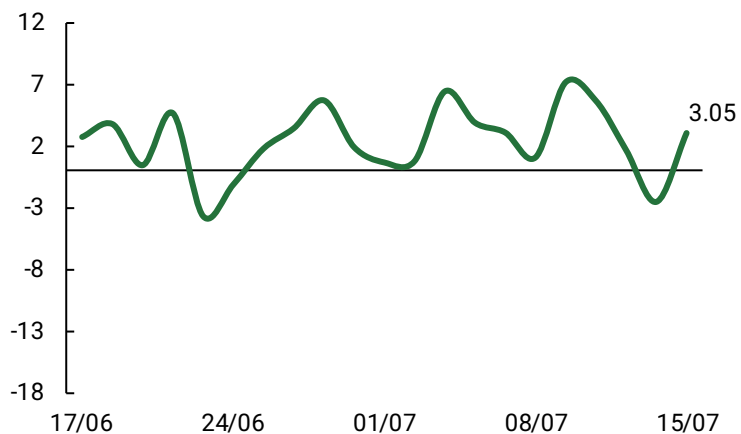
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



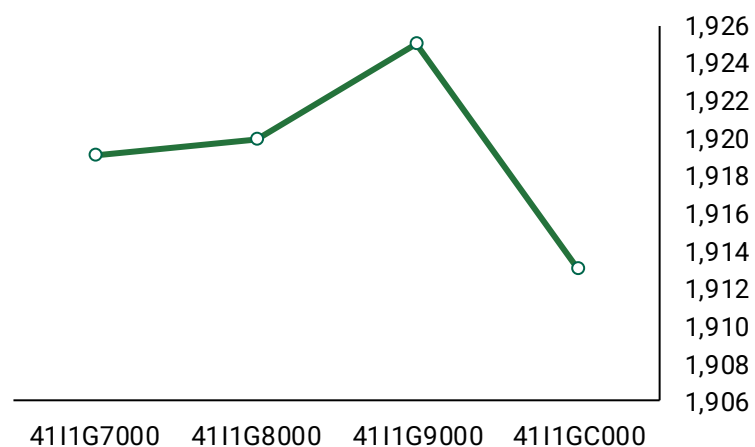
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



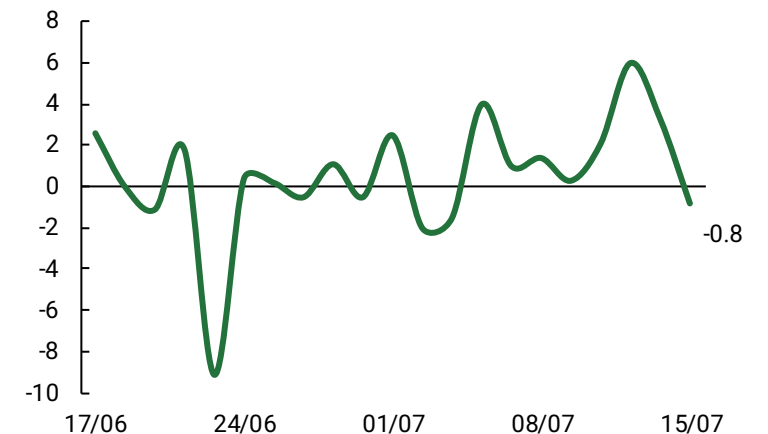
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/07 Việt Nam, Mỹ – Chỉ số PMI
- 02/07 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 03/07 Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 2
- 09/07 Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 14/07 Mỹ – Chỉ số CPI
- Việt Nam – Công bố danh mục VN30
- Mỹ – Chỉ số PPI
- 15/07 Trung Quốc – GDP Q2, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
- Canada – BOC họp và công bố lãi suất
- 16/07 Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai VN30, VN100
- 20/07 Trung Quốc – Lãi suất cho vay 1y, 5y
- Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 đơn lẻ
- 23/07 EU – ECB công bố lãi suất
- Mỹ – FED họp và công bố lãi suất
- 30/07 Việt Nam – Hạn BCTC quý 2/2026 (công ty mẹ, hợp nhất, tổng hợp)

Lạm phát Mỹ giảm mạnh hơn dự báo trong tháng 6: Theo Cục Thống kê Lao động Mỹ, CPI tháng 6 giảm 0.4% so với tháng trước sau điều chỉnh mùa vụ, mức giảm theo tháng lớn nhất kể từ tháng 4/2020. Lạm phát hàng năm hạ xuống 3.5%, thấp hơn mức 4.2% của tháng 5 và thấp hơn dự báo 3.8% của giới chuyên gia. Lạm phát lõi gần như đi ngang trong tháng 6 và tăng 2.6% so với cùng kỳ, thấp hơn mức 2.9% của tháng trước, chủ yếu nhờ chỉ số năng lượng giảm 5.7%.

Kiều hối từ Nhật Bản lập kỷ lục, Việt Nam là nước nhận nhiều nhất: Bộ Tài chính Nhật Bản cho biết tổng giá trị kiều hối gửi từ Nhật Bản ra nước ngoài trong năm tài khóa kết thúc tháng 3/2025 đạt 1.004 nghìn tỷ yên, tương đương 6.2 tỷ USD, tăng 11.5% so với năm trước. Đây là lần đầu tiên lượng kiều hối chuyển từ Nhật Bản ra nước ngoài vượt mốc 1,000 tỷ yên. Việt Nam là quốc gia nhận kiều hối lớn nhất từ Nhật Bản với 288.8 tỷ yên, tương đương 1.78 tỷ USD; tiếp theo là Indonesia và Philippines.

NHNN triển khai kế hoạch trao đổi thông tin vì mục đích thuế: NHNN ban hành Quyết định số 1608/QĐ-NHNN ngày 10/7/2026 về Kế hoạch hành động triển khai nghĩa vụ trao đổi thông tin theo yêu cầu vì mục đích thuế. Kế hoạch tập trung vào ba nhóm nhiệm vụ gồm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý; tăng cường thanh tra, giám sát và lưu trữ thông tin; xây dựng hạ tầng kỹ thuật và cơ chế chia sẻ dữ liệu. Trong đó, NHNN sẽ nghiên cứu sửa đổi Luật Phòng, chống rửa tiền 2022, Nghị định 19/2023/NĐ-CP và Thông tư 27/2025/TT-NHNN.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MWG - Doanh thu 6 tháng vượt 95,000 tỷ đồng: MWG ghi nhận doanh thu 6 tháng đầu năm 2026 đạt hơn 95,000 tỷ đồng, tăng 17% YoY và hoàn thành 53% kế hoạch năm. Chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đóng góp gần 65,100 tỷ đồng, tăng 31% YoY; trong đó tăng trưởng chủ yếu đến từ cải thiện doanh số cửa hàng hiện hữu thay vì mở rộng điểm bán. Bách Hóa Xanh ghi nhận doanh thu 28,300 tỷ đồng, tăng 25% YoY; riêng quý II tăng hơn 31% nhờ nhóm thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng nhanh duy trì tăng trưởng hai chữ số.

PC1 - VietinBank Capital trở thành cổ đông lớn: VietinBank Capital đã mua vào hơn 14.1 triệu cổ phiếu PC1 trong phiên 9/7, nâng sở hữu từ gần 16.9 triệu cổ phiếu lên hơn 31 triệu cổ phiếu. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của VietinBank Capital tại PC1 tăng từ 4.11% lên 7.54% vốn điều lệ, qua đó trở thành cổ đông lớn của doanh nghiệp. Ước tính giao dịch có giá trị khoảng 310 tỷ đồng, dựa trên mức giá thỏa thuận bình quân hơn 22,000 đồng/cp trong phiên.

TCI - Dự kiến chào bán gần 58 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Chứng khoán Thành Công thông qua phương án chào bán hơn 57.8 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1, giá chào bán 10,000 đồng/cp. Nếu phát hành thành công, công ty dự kiến thu về hơn 578.1 tỷ đồng, qua đó tăng vốn điều lệ từ hơn 1,156.2 tỷ đồng lên hơn 1,734.3 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động sẽ được dùng để tăng quy mô vốn hoạt động, nâng cao năng lực tài chính và giảm áp lực nợ vay.

BSL - Lãi 6 tháng gấp 9 lần cùng kỳ: Bia Sài Gòn Hạ Long ghi nhận doanh thu thuần quý II/2026 đạt 259 tỷ đồng, tăng gần 10% YoY; LNST đạt gần 31 tỷ đồng, gấp 3.2 lần cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 5% lên khoảng 14%, chủ yếu nhờ giá vốn giảm khi một số tài sản cố định đã hết thời gian trích khấu hao. Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần đạt 469 tỷ đồng, tăng 15.2% YoY; LNST đạt gần 53 tỷ đồng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	45,100	73,400	62.7%	Mua
CTG	32,150	45,200	40.6%	Mua
CTD	66,100	82,900	25.4%	Mua
DBD	50,900	68,000	33.6%	Mua
DDV	21,538	35,900	66.7%	Mua
DGW	37,800	47,500	25.7%	Mua
DPG	31,900	42,300	32.6%	Mua
DPR	37,400	46,500	24.3%	Mua
DRI	13,099	17,200	31.3%	Mua
EVF	12,700	14,400	13.4%	Tăng tỷ trọng
FRT	113,000	151,000	33.6%	Mua
GMD	77,000	92,700	20.4%	Mua
HAH	47,600	58,300	22.5%	Mua
HDG	19,000	30,900	62.6%	Mua
HHV	10,500	11,700	11.4%	Tăng tỷ trọng
HPG	22,400	30,700	37.1%	Mua
IMP	39,000	54,400	39.5%	Mua
KDH	19,500	38,800	99.0%	Mua
MCH	138,000	177,200	28.4%	Mua
MWG	76,200	115,600	51.7%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	23,950	33,000	37.8%	Mua
NLG	24,900	39,400	58.2%	Mua
NT2	21,550	27,700	28.5%	Mua
PHR	61,900	72,800	17.6%	Tăng tỷ trọng
PNJ	43,650	75,500	73.0%	Mua
PVS	38,000	39,900	5.0%	Nắm giữ
PVT	18,700	18,900	1.1%	Nắm giữ
POW	13,900	15,000	7.9%	Nắm giữ
SAB	46,050	57,900	25.7%	Mua
SSI	24,700	32,100	30.0%	Mua
TLG	47,950	50,000	4.3%	Nắm giữ
TCB	31,500	41,700	32.4%	Mua
TCM	19,750	35,300	78.7%	Mua
TRC	77,500	94,800	22.3%	Mua
VCB	59,200	84,200	42.2%	Mua
VPB	25,800	36,500	41.5%	Mua
VCG	17,750	23,300	31.3%	Mua
VHC	56,800	58,000	2.1%	Nắm giữ
VNM	56,200	66,650	18.6%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801